

Số: 169 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Giảm tiền ở Khu Nội trú cho đối tượng ưu tiên
Học kỳ II, năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ “Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2021-2022” ban hành theo Quyết định số 726/QĐ-DHN ngày 30/09/2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ “Quy định công tác sinh viên nội trú, ngoại trú Trường Đại học Dược Hà Nội” ban hành theo Quyết định số 894/QĐ-DHN ngày 02/11/2017 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ xin giảm tiền ở Khu Nội trú của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên, Trưởng BQL Khu Nội trú,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm tiền ở Khu Nội trú cho 150 sinh viên (có danh sách kèm theo) thuộc đối tượng ưu tiên Học kỳ II, năm học 2021-2022 (được tính từ tháng 01/2022 đến hết tháng 6/2022)

Mức tiền ở của sinh viên trong Khu Nội trú sau khi giảm là: 200.000 đ/tháng/sinh viên.

Điều 2. Trưởng các phòng Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Ban quản lý Khu nội trú và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- ĐTN, HSV;
- Lưu: VT, QLSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN GIẢM TIỀN Ở KHU NỘI TRÚ CHO ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

Học kỳ II, năm học 2021 - 2022 (từ tháng 01/2021 đến hết tháng 6/2021)

(Kèm theo Quyết định số 169 /QĐ-DHN ngày 04 tháng 4 năm 2021)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Phòng	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
1	1601326	Hoàng Ngọc Hưng	A2K74	B33	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
2	1701005	Bùi Văn Anh	Q1K72	A15	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
3	1701039	Nguyễn Thị ánh	N1K72	A310	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
4	1701062	Tạ Quốc Công	Q1K72	B31	Kinh	Con bệnh binh 85%	
5	1701084	Hoàng Vũ Thúy Dịu	N1K72	A12	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
6	1701105	Phạm Thùy Dung	Q1K72	A14	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
7	1701125	Quách Thị Giang	Q1K72	A18	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
8	1701125	Quách Thị Giang	Q1K72	A18	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
9	1701147	Bùi Thị Thanh Hằng	M1K72	A15	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
10	1701167	Vũ Thị Hằng	M1K72	A210	Kinh	Con bệnh binh 81%	
11	1701172	Trần Thị Hồng Hạnh	Q1K72	A15	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
12	1701175	Vy Thị Hồng Hạnh	N1K72	A32	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
13	1701223	Lò Thị Huế	O1K72	C21	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
14	1701306	Hoàng Lê Diệu Linh	O1K72	A39	Thổ	Dân tộc thiểu số (Thổ)	
15	1701323	Nguyễn Thị Diệu Linh	O1K72	B29	Kinh	Con bệnh binh 81%	
16	1701347	Bùi Thị Hiền Lương	M1K72	A28	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
17	1701368	Hoàng Thị Hà Mi	O1K72	C21	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
18	1701396	Nguyễn Thị Nga	Q1K72	A22	Kinh	Con thương binh 21%	
19	1701403	Bùi Thị Ngân	N1K72	A13	Kinh	Con thương binh 4/4	
20	1701408	Trần Thị Ngân	M1K72	A18	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
21	1701451	Hoàng Thị Oanh	M1K72	B36	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
22	1701472	Nguyễn Thị Phượng	O1K72	A23	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
23	1701485	Lò Thị Quỳnh	N1K72	A27	Thái	Dân tộc thiểu số (Thái)	
24	1701499	Vàng A Súa	P1K72	B16	Hmông	Dân tộc thiểu số (Mông)	
25	1701550	Mai Thị Thu	O1K72	A18	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
26	1701556	Đặng Quỳnh Thư	M1K72	A15	Kinh	Hộ nghèo 2022	
27	1701564	Hồ Thị Thương	N1K72	a37	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
28	1701565	Nguyễn Thị Thùy	N1K72	A23	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
29	1701568	Lê Thị Thúy	O1K72	A18	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
30	1701608	Nguyễn Thị Thùy Trang	O1K72	C23	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
31	1701640	Nông Minh Tuấn	O1K72	B32	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
32	1701657	Hà Thị Uyên	Q1K72	A22	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
33	1701675	Lê Anh Văn	M1K72	B12	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
34	1801007	Bùi Thị Minh Anh	O1K73	B36	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
35	1801087	Hoàng Kiều Chinh	O1K73	A25	Kinh	HKTT ở Vùng cao	
36	1801112	Bùi Ngọc Diệu	Q1K73	A34	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
37	1801167	Nông Thị Bích Hà	M1K73	A12	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
38	1801236	Nguyễn Thị Minh Hiếu	P1K73	C23	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
39	1801312	Lý Thị Huyền	P1K73	C23	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Phòng	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
40	1801382	Lộc Thị Mỹ Linh	Q1K73	C23	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
41	1801448	Bùi Thế Mạnh	P1K73	B21	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
42	1801452	Mai Thị Ngô Mây	O1K73	B38	Kinh	Hộ nghèo 2022	
43	1801482	Trịnh Bích Ngà	P1K73	B311	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
44	1801495	Đặng Thị Ngọc	O1K73	A38	Sán Chì	Dân tộc thiểu số (Sán Chì)	
45	1801502	Nguyễn Bích Ngọc	Q1K73	A13	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
46	1801508	Trương Thị Minh Ngọc	O1K73	B311	Kinh	Con thương binh 61%	
47	1801514	Phan Thị ánh Nguyệt	P1K73	B38	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
48	1801684	Lê Thị Thùy	Q1K73	C21	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
49	1801691	Nguyễn Thủy Tiên	M1K73	A34	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
50	1801706	Lê Thị Ngọc Trang	N1K73	A31	Kinh	Con bệnh binh 71%	
51	1901008	Vũ Thị Bình An	A1K74	B37	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
52	1901067	Hoàng Thái Bảo	A2K74	B16	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
53	1901071	Lương Thị Bích	A1K74	B37	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
54	1901108	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	A4K74	A21	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
55	1901155	Lê Thị Giang	A4K74	B19	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
56	1901165	Trần Thị Hương Giang	A1K74	B211	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
57	1901244	Nguyễn Thị Thu Hoài	A3K74	A29	Kinh	Hộ nghèo 2022	
58	1901247	Dương Thế Hoàng	A1K74	B31	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
59	1901263	Đinh Thu Huệ	A2K74	B211	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
60	1901284	Phí Mai Hương	A2K74	A15	Kinh	Con bệnh binh 81%	
61	1901303	Hoàng Thị Huyền	A1K74	B36	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
62	1901304	Hoàng Thị Khánh Huyền	A1K74	B311	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
63	1901312	Nguyễn Thu Huyền	A2K74	A17	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
64	1901345	Trần Thị Lê	A1K74	B17	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
65	1901389	Hà Thị Loan	A2K74	A38	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
66	1901396	Nguyễn Thị Cẩm Long	A4K74	B111	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
67	1901400	Lư Thị Luân	A4K74	A29	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
68	1901403	Nguyễn Thế Lực	A2K74	B26	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
69	1901409	Bùi Thị Khánh Ly	A2K74	B311	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
70	1901443	Bùi Nhật Minh	A2K74	A24	Kinh	Con thương binh 38%	
71	1901512	Đinh Thị Thu Nguyệt	A2K74	A210	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
72	1901517	Hoàng Yến Nhi	A1K74	A38	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
73	1901518	Lương Thị Huyền Nhi	A3K74	B19	Thái	Dân tộc thiểu số (Thái)	
74	1901528	Nguyễn Thị Nhung	A3K74	B19	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
75	1901540	Trịnh Thị Phúc	A3K74	B111	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
76	1901549	Dương Thu Phương	A1K74	A35	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
77	1901558	Nông Thị Thu Phương	A4K74	B110	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
78	1901579	Nguyễn Thị Hương Quế	A4K75	B111	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
79	1901597	Phạm Thị Xuân Quỳnh	A2K74	B38	Kinh	Con thương binh 33%	
80	1901599	Vũ Thị Mai Quỳnh	A2K74	A37	Kinh	Hộ nghèo 2022	
81	1901618	Hoàng Văn Thắng	A3K74	B16	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
82	1901657	Trương Thị Hương Thảo	A2K74	A21	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
83	1901672	Nguyễn Thị Thu	A2K74	B211	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
84	1901682	Nguyễn Thị Thu Thương	A3K74	A21	Kinh	Hộ nghèo 2022	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Phòng	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
85	1901690	Dương Thanh Thủy	A2K74	B36	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
86	1901695	Nguyễn Thu Thủy	A3K74	B36	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
87	1901696	Phạm Thị Thủy	A1K74	B19	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
88	1901699	Chúng Thủy Tiên	A3K74	a36	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
89	1901704	Thò Bá Tính	A3K74	B26	Mông	Dân tộc thiểu số (Mông)	
90	1901730	Nguyễn Thị Huyền Trang	A4K74	A35	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
91	2001007	Bùi Thế Anh	A4K75	B22	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
92	2001012	Đỗ Thị Kim Anh	A4K75	A37	Kinh	Con bệnh binh 51%	
93	2001054	Mông Hồng ánh	A2K75	A39	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
94	2001093	Bàn Thị Cói	A3K75	A13	Dao	Dân tộc thiểu số (Dao)	
95	2001132	Hoàng Thị Dung	A3K75	A31	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
96	2001143	Nguyễn Thị Thủy Dương	A2K75	B36	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
97	2001151	Trần Mỹ Duyên	A2K75	A28	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
98	2001176	Nguyễn Ngọc Hà	A3K75	A15	Kinh	Hộ nghèo 2022	
99	2001182	Phạm Thu Hà	A1K75	A29	Kinh	Con thương binh 21%	
100	2001205	Bùi Thị Hạnh	A3K75	A11	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
101	2001208	Hoàng Thúy Hạnh	A4K75	A12	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
102	2001218	Hoàng Thị Thu Hiền	A4K75	C24	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
103	2001237	Đinh Hồ Đức Hiệu	A4K75	B16	Kinh	Con thương binh 29%	
104	2001247	Lý Thị Thu Hoài	A4K75	A28	Sán Diu	Dân tộc thiểu số (Sán Diu)	
105	2001254	Bùi Minh Hoàng	A3K75	B16	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
106	2001263	Lý Thị Huệ	A3K75	C24	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
107	2001279	Nguyễn Thị Hương	A2K75	A28	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
108	2001340	Lê Thị Yến Linh	A4K75	B28	Thái	Dân tộc thiểu số (Thái)	
109	2001361	Trần Thị Thùy Linh	A1K75	A24	Kinh	Con thương binh 38%	
110	2001439	Phạm Thái Ngọc	A4K75	A21	Kinh	HKTT ở Vùng ĐBK	
111	2001471	Vàng Mùi Phạm	A1K75	A13	Dao	Dân tộc thiểu số (Dao)	
112	2001503	Bùi Thanh Quyền	A2K75	A310	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
113	2001506	Hà Thị Lệ Quyền	A3K75	A33	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
114	2001552	Nguyễn Thị Thanh Thanh	A3K75	B36	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
115	2001565	Chu Thị Phương Thảo	A4K75	A27	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
116	2001569	Lê Thị Phương Thảo	A4K75	B36	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
117	2001574	Nguyễn Thị Phương Thảo	A3K75	B36	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
118	2001584	Bùi Thị Thêu	A2K75	A14	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
119	2001591	Tô Vũ Thịnh	A4K75	B15	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
120	2001608	Hoàng Văn Thức	A4K75	B15	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
121	2001612	Kim Hoài Thương	A2K75	B39	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
122	2001658	Phạm Huyền Trang	A4K75	A24	Kinh	Đối tượng 30a	
123	2001682	Phạm Anh Tuấn	A4K75	B15	Kinh	Đối tượng 30a	
124	2001689	Chu ánh Tuyết	A4K75	C27	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
125	2001693	Trần Thị ánh Tuyết	A4K75	A24	Kinh	Đối tượng 30a	
126	2001702	Bùi Đức Văn	A4K75	B32	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
127	2101077	Lộc Thị Linh Chi	A2K76	A39	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
128	2101092	Hà Hải Đăng	A4K76	B14	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
129	2101103	Hoàng Mùi Diện	A2K76	C22	Dao	Dân tộc thiểu số (Dao)	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Phòng	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
130	2101118	Nguyễn Ngọc Dung	A1K76	A18	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
131	2101164	Hoàng Vĩnh Giang	A4K76	B12	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
132	2101197	Hoàng Thu Hằng	A3K76	a39	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
133	2101210	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	A2K76	C22	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
134	2101266	Bùi Nhất Hưng	A1K76	B31	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
135	2101313	Vũ Ngọc Huyền	A3K76	A16	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
136	2101314	Lênh Lập Hỷ	A2K76	B13	Sán Diu	Dân tộc thiểu số (Sán Diu)	
137	2101327	Nguyễn Hữu Khoa	A2K76	B13	Kinh	Con bệnh binh 61%	
138	2101335	Thạch Thị Kim	A1K76	A16	Sán Chí	Dân tộc thiểu số (Sán Chí)	
139	2101346	Tổng Thị Liên	A3K76	A24	Sán Diu	Dân tộc thiểu số (Sán Diu)	
140	2101411	Lý Thị Hương Mai	A3K76	A14	Dao	Dân tộc thiểu số (Dao)	
141	2101489	Lý Thị Minh Nguyệt	A2K76	A28	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
142	2101491	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	A3K76	A11	Kinh	Hộ cận nghèo 2022	
143	2101496	Hà Yến Nhi	A1K76	A22	Nùng	Dân tộc thiểu số (Nùng)	
144	2101548	Phạm Thị Quyên	A1K76	C22	Kinh	Con thương binh 15%	
145	2101570	Đinh Thị Minh Tâm	A3K76	A210	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
146	2101632	Lê Thị Thùy	A3K76	A23	Kinh	HKTT ở Vùng cao	
147	2101644	Bùi Phương Tinh	A3K76	A11	Mường	Dân tộc thiểu số (Mường)	
148	2101705	Hoàng Thị Vân	A4K76	A18	Kinh	Hộ nghèo 2022	
149	2101717	Ma Thị Yêm	A1K76	A24	Tày	Dân tộc thiểu số (Tày)	
150	2191047	Lại Phương Thảo	H1K2	B39	Kinh	Đối tượng 30a	

Danh sách có 150 sinh viên.